

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-35
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10-35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101124 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Yukio Takahashi	Chủ tịch	
Ông Vũ Quang Hội	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/05/2019
Ông Johnny Cheung Ching Fu	Thành viên	
Ông Nguyễn Viết Tạo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/05/2019
Ông Go Fujiyama	Thành viên	
Ông Lê Bá Giang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 31/05/2019
Ông Yoshida Tetsuya	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 31/05/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Johnny Cheung - Ching Fu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Giang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hồ Minh Quốc	Trưởng ban
Bà Đào Thị Chinh	Thành viên
Bà Fumiyo Okuda	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Bá Giang

Phó Tổng Giám đốc

Huế, ngày 15 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được lập ngày 15 tháng 07 năm 2019, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 220319.019/BCTC.KT2 ngày 22/03/2019 về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề: Hợp đồng tư vấn dịch vụ kỹ thuật giữa Công ty với Công ty TNHH Azula Management về việc tư vấn phác thảo ý tưởng đầu tư cơ sở vật chất của Khách sạn Hương Giang đã tạm dừng nhưng Công ty vẫn đang theo dõi các chi phí liên quan đến hoạt động này trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" (Mã số 242) của Bảng cân đối kế toán riêng. Tại thời điểm 30/06/2019, số tiền lũy kế là 8,96 tỷ đồng (Trong đó: số tiền phát sinh năm 2018 là 8,8 tỷ đồng; phát sinh trong 06 tháng đầu năm 2019 là 151 triệu đồng). Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, hợp đồng tư vấn đã hết hạn nhưng chúng tôi không thu thập được hồ sơ, tài liệu liên quan đến kết quả tư vấn cũng như việc triển khai dự án. Trong trường hợp hợp đồng tư vấn không có kết quả hoặc Công ty không triển khai dự án theo kết quả tư vấn này thì khoản chi phí phát sinh trên phải ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3 và Thuyết minh số 18 phần thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2019, Công ty đang ghi nhận và trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ khoản phải trả cho Ngân sách nhà nước với số tiền là 32 tỷ đồng liên quan đến việc thoái vốn của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế tại Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại Mục b, Thuyết minh số 19 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính 06 tháng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang, trong kỳ, tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco đã giảm từ 41,71% tại ngày đầu kỳ xuống 9,11% tại ngày cuối kỳ.

Ngày 07/06/2019, Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco đã có văn bản số 129/19/CV-TGĐ/BITEXCO gửi Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang, về việc không đồng ý với nội dung Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 31/05/2019 của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang. Trong văn bản có nội dung Bitexco không đồng ý về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu của mình trong vốn góp của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang giảm từ 41,71% tại ngày đầu năm xuống còn 9,11% tại ngày diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển *(signature)*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		72.683.843.628	70.860.641.344
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	49.483.953.091	58.550.317.678
111	1. Tiền		36.183.953.091	35.550.317.678
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.300.000.000	23.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.305.838.350	11.400.376.014
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.868.193.320	2.266.453.808
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.515.771.000	1.424.500.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	11.860.000.000	500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	7.775.592.783	7.926.532.244
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(717.110.038)	(717.110.038)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	9	3.391.285	-
140	IV. Hàng tồn kho	11	374.079.769	460.855.241
141	1. Hàng tồn kho		374.079.769	460.855.241
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		519.972.418	449.092.411
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	519.972.418	449.092.411
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		174.010.265.171	175.750.374.072
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.948.817.680	4.948.817.680
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	4.948.817.680	4.948.817.680
220	II. Tài sản cố định		29.096.202.241	28.767.955.934
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	28.085.480.936	27.754.037.907
222	- Nguyên giá		80.307.982.464	80.775.225.446
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(52.222.501.528)	(53.021.187.539)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	1.010.721.305	1.013.918.027
228	- Nguyên giá		1.308.338.000	1.308.338.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(297.616.695)	(294.419.973)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	9.357.767.749	9.086.181.104
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.357.767.749	9.086.181.104
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	123.516.492.749	123.516.492.749
251	1. Đầu tư vào công ty con		11.643.211.488	11.643.211.488
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		117.756.018.651	117.756.018.651
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.000.000.000	3.000.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.882.737.390)	(8.882.737.390)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.090.984.752	9.430.926.605
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	7.090.984.752	9.430.926.605
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		246.694.108.799	246.611.015.416

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		37.082.178.816	38.033.759.686
310	I. Nợ ngắn hạn		37.082.178.816	38.033.759.686
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	945.425.374	1.145.141.307
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		235.546.217	448.563.597
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	407.730.264	313.529.840
314	4. Phải trả người lao động		2.101.188.661	2.585.138.004
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	33.392.288.300	33.360.514.622
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	180.872.316
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		209.611.929.983	208.577.255.730
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	209.611.929.983	208.577.255.730
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		47.223.517.700	47.223.517.700
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(37.611.587.717)	(38.646.261.970)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(38.646.261.970)	(37.488.944.608)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1.034.674.253	(1.157.317.362)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		246.694.108.799	246.611.015.416

Ngô Đức Chính

Người lập

Ngô Đức Chính

Kế toán trưởng

Lê Bá Giang

Phó Tổng Giám đốc

Huế, ngày 15 tháng 07 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	28.242.517.207	22.731.017.455
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.242.517.207	22.731.017.455
11	4. Giá vốn hàng bán	22	19.939.571.308	15.625.896.539
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.302.945.899	7.105.120.916
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	838.206.600	351.410.634
22	7. Chi phí tài chính	24	216.426	(1.070.456.022)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	25	1.022.856.860	1.111.489.359
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.540.546.195	8.223.285.391
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		577.533.018	(807.787.178)
31	11. Thu nhập khác	27	475.951.818	2.051.765
32	12. Chi phí khác	28	18.810.583	-
40	13. Lợi nhuận khác		457.141.235	2.051.765
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.034.674.253	(805.735.413)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.034.674.253</u>	<u>(805.735.413)</u>


 Ngô Đức Chính
 Người lập


 Ngô Đức Chính
 Kế toán trưởng


 Lê Bá Giang
 Phó Tổng Giám đốc


Huế, ngày 15 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2019 VND	06 tháng đầu năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.034.674.253	(805.735.413)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.268.812.511	1.810.668.920
03	- Các khoản dự phòng		-	(5.640.135.709)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.298.692.419)	4.230.193.878
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.004.794.345	(405.008.324)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		374.537.664	4.392.888.629
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		86.775.472	(1.227.138)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(770.708.554)	(127.802.977)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.269.061.846	(610.438.834)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(180.872.316)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.783.588.457	3.248.411.356
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.868.645.463)	(156.872.066)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		240.909.091	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.360.000.000)	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	12.062.555.685
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.137.783.328	339.250.437
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.849.953.044)	12.244.934.056
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.066.364.587)	15.493.345.412
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		58.550.317.678	53.605.193.610
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	49.483.953.091	69.098.539.022

Ngô Đức Chính
Người lập

Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng

Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Huế, ngày 15 tháng 07 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang được thành lập theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 1996 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101124 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007 và thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình như mua bán hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc như kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu như kinh doanh dịch vụ Karaoke;
- Điều hành tour du lịch như kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động như nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc là Khách sạn Hương Giang Resort & Spa có địa chỉ tại thành phố Huế với hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh khách sạn.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm gần nhất thu thập được. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	201.676.405	414.527.909
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽¹⁾	35.982.276.686	35.134.884.769
Tiền đang chuyển	-	905.000
Các khoản tương đương tiền ⁽²⁾	13.300.000.000	23.000.000.000
	49.483.953.091	58.550.317.678

(1) Tại ngày 30/06/2019, số dư tiền gửi không kỳ hạn với số tiền là 35.982.276.686 đồng. Trong đó, khoản tiền 32.032.533.340 đồng là số tiền thu được từ việc chuyển nhượng phần vốn của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế cho Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco, khoản tiền này bị hạn chế sử dụng theo Công văn số 1398/STC-TCDN ngày 26/5/2016 của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 18).

(2) Tại ngày 30/06/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 13.300.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế và Ngân hàng TMCP Đông Á với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,3%/năm.

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An	717.110.038	(717.110.038)	717.110.038	(717.110.038)
Phải thu khách hàng khác	1.151.083.282	-	1.549.343.770	-
	1.868.193.320	(717.110.038)	2.266.453.808	(717.110.038)
Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	12.350.000	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	11.643.211.488	-	11.643.211.488	-
	11.643.211.488	-	11.643.211.488	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	117.756.018.651	(5.882.737.390)	117.756.018.651	(5.882.737.390)
	6.239.210.372	(2.126.737.390)	6.239.210.372	(2.126.737.390)
	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Huế (*)	940.000.000	-	940.000.000	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	50.720.625.000	-	50.720.625.000	-
- Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	2.556.000.000	(2.556.000.000)	2.556.000.000	(2.556.000.000)
- Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt Nhật (*)	34.416.633.279	-	34.416.633.279	-
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	21.683.550.000	-	21.683.550.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An (*)	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
	132.399.230.139	(8.882.737.390)	132.399.230.139	(8.882.737.390)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30/06/2019 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	11 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	100,00%	100,00%	Kinh doanh du lịch và đại lý vé máy bay

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2019 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Du lịch Lăng Cô	Thôn Loan Lý, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.	40,00%	40,00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch
- Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Huế(*)	Công viên Ngự Bình, xã Thủy An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	20,00%	20,00%	Kinh doanh thể thao, khu vui chơi giải trí
- Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	Phường An Tây, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	31,33%	31,33%	Sản xuất nước khoáng tinh khiết đóng chai và dịch vụ giặt là
- Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.	50,00%	50,00%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
- Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt Nhật (*)	5190 Shindo Sagamiharashi Kanagawa, Japan.	50,00%	50,00%	Kinh doanh nhà hàng, đồ lưu niệm, dịch vụ du lịch, khách sạn
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	5 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	49,00%	49,00%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch
- Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	2 Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An (*)	Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	12,00%	12,00%	Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch

(*) Các khoản đầu tư này đã được trích lập dự phòng toàn bộ. Trong đó, Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Huế, Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Việt nhật, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An đã ngừng hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Thiết kế Quận Tám	1.366.100.000	-	1.366.100.000	-
- Trả trước cho người bán khác	149.671.000	-	58.400.000	-
	1.515.771.000	-	1.424.500.000	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang ⁽¹⁾	1.160.000.000	-	500.000.000	-
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành ⁽²⁾	10.500.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư du lịch Kinh Thành ⁽³⁾	200.000.000	-	-	-
	11.860.000.000	-	500.000.000	-
Phải thu về cho vay các bên liên quan	11.860.000.000	-	500.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Bao gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng số 01/2018/HĐKT ngày 12/07/2018 với tổng số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 9%/năm.

- Hợp đồng số 01/HGT-HG ngày 16/05/2019 với tổng số tiền 660.000.000 đồng với kỳ hạn 15 tháng với lãi suất 9,3%/năm.

(2) Hợp đồng vay vốn và phụ lục số 01/KT-HG-122018 ngày 27/12/2018, với tổng số tiền là 10.500.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, kỳ hạn 06 tháng với lãi suất 9,3%/năm.

(3) Hợp đồng vay vốn và phụ lục số 01/HGT-CIT-042019 ngày 03/04/2019, với tổng số tiền là 600.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, kỳ hạn 06 tháng với lãi suất 9,3%/năm. Tại thời điểm 30/06/2019, tổng số tiền thực tế phát sinh của hợp đồng vay là 200.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG
Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.105.101.286	-	1.405.101.286	-
- Tạm ứng	1.060.000.000	-	1.029.000.000	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	557.521.011	-	534.536.490	-
- Lãi cho vay phải thu từ Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	1.570.500.000	-	1.570.500.000	-
- Dự án tiếp nhận Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế	933.690.527	-	933.690.527	-
- Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	1.116.880.913	-	1.512.729.818	-
- Chi hộ Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	298.897.338	-	298.897.338	-
- Tiền thuế tiêu thụ đặc biệt nộp hộ VIP Club	220.639.373	-	220.639.373	-
- Doanh thu chưa xuất hóa đơn	776.811.936	-	327.007.013	-
- Phải thu khác	135.550.399	-	94.430.399	-
	7.775.592.783	-	7.926.532.244	-
b) Dài hạn				
- Phải thu từ công ty Cổ phần Văn Hóa Đất Việt (*)	4.948.817.680	-	4.948.817.680	-
	4.948.817.680	-	4.948.817.680	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	4.091.379.537	-	3.916.663.646	-

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và khoản ứng trước cho nhà thầu thi công hạng mục Thiên Đường Trần Nhân Tông (nay là Thiền Viện Hương Vân) thuộc dự án Trung Tâm Văn hóa Huyện Trấn. Năm 2011, Công ty đã bàn giao sang cho Công ty Cổ phần Văn hóa Đất Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Văn hóa Huyện Trấn) để tiếp tục theo dõi và quyết toán chi phí thực hiện với các nhà thầu này.

9 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	30/06/2019		01/01/2019	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Dụng cụ nhà bếp	-	3.391.285	-	-
	-	3.391.285	-	-

10 . NỢ XẤU

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Thuận An	717.110.038	-	717.110.038	-
	717.110.038	-	717.110.038	-

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	207.501.948	-	260.121.440	-
- Hàng hoá	166.577.821	-	200.733.801	-
	374.079.769	-	460.855.241	-

12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	9.357.767.749	9.086.181.104
- Dự án cải tạo Khách sạn Hương Giang (*)	8.964.422.798	8.812.500.162
- Dự án cải tạo Nhà hàng Bình Minh	-	22.727.273
- Dự án cải tạo Trung tâm ẩm thực 11 Lê Lợi - TP Huế	393.344.951	250.953.669
	9.357.767.749	9.086.181.104

(*) Theo hợp đồng ký ngày 16/03/2017 giữa Công ty Cổ phần du lịch Hương giang và Công ty TNHH Azula Management về việc cung cấp dịch vụ tư vấn cho Khách sạn Hương Giang. Thời hạn của hợp đồng là 18 tháng với tổng số tiền là 900.000 USD. Số dư tại ngày 30/06/2019 là số tiền Công ty đã thanh toán cho đối tác lũy kế đến thời điểm này. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại các bên đã tạm dừng thực hiện hợp đồng này để ưu tiên thực hiện các dự án khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	59.463.637.476	11.163.690.675	9.343.755.651	804.141.644	80.775.225.446
- Mua trong kỳ	-	89.000.000	1.369.481.818	-	1.458.481.818
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	138.577.000	-	-	-	138.577.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.064.301.800)	-	(2.064.301.800)
Số dư cuối kỳ	59.602.214.476	11.252.690.675	8.648.935.669	804.141.644	80.307.982.464
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	38.146.131.173	10.456.202.617	3.650.807.727	768.046.022	53.021.187.539
- Khấu hao trong kỳ	897.823.526	107.089.603	251.168.323	9.534.337	1.265.615.789
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.064.301.800)	-	(2.064.301.800)
Số dư cuối kỳ	39.043.954.699	10.563.292.220	1.837.674.250	777.580.359	52.222.501.528
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	21.317.506.303	707.488.058	5.692.947.924	36.095.622	27.754.037.907
Tại ngày cuối kỳ	20.558.259.777	689.398.455	6.811.261.419	26.561.285	28.085.480.936

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.691.666.801 đồng.

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	999.000.000	309.338.000	1.308.338.000
Số dư cuối kỳ	<u>999.000.000</u>	<u>309.338.000</u>	<u>1.308.338.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	294.419.973	294.419.973
- Khấu hao trong kỳ	-	3.196.722	3.196.722
Số dư cuối kỳ	<u>-</u>	<u>297.616.695</u>	<u>297.616.695</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	999.000.000	14.918.027	1.013.918.027
Tại ngày cuối kỳ	<u>999.000.000</u>	<u>11.721.305</u>	<u>1.010.721.305</u>

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	38.173.435	81.508.660
Chi phí bảo hiểm	54.741.204	64.293.096
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	427.057.779	303.290.655
	<u>519.972.418</u>	<u>449.092.411</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.034.191.107	4.088.375.565
Phí cải tạo tài sản	1.320.945.035	2.008.708.883
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.735.848.610	3.333.842.157
	<u>7.090.984.752</u>	<u>9.430.926.605</u>

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Mai Foods	140.945.525	140.945.525	183.890.850	183.890.850
- Công ty TNHH Giặt là Bình Minh	124.221.600	124.221.600	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	680.258.249	680.258.249	961.250.457	961.250.457
	<u>945.425.374</u>	<u>945.425.374</u>	<u>1.145.141.307</u>	<u>1.145.141.307</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	278.094.741	1.963.227.723	1.899.549.983	-	341.772.481
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	11.925.928	137.621.618	140.503.474	-	9.044.072
Thuế Thu nhập cá nhân	-	22.002.204	259.762.759	256.382.741	-	25.382.222
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	1.541.270.846	1.514.253.188	-	27.017.658
Các loại thuế khác	-	1.506.967	59.262.216	56.255.352	-	4.513.831
	-	313.529.840	3.961.145.162	3.866.944.738	-	407.730.264

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Phải trả về chuyển nhượng vốn của Nhà Nước (*)	32.032.533.340	32.000.759.662
- Thu hồi vốn góp tại Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc đang chờ quyết toán	518.052.851	518.052.851
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	841.702.109	841.702.109
	33.392.288.300	33.360.514.622
Phải trả khác là các bên liên quan	518.052.851	518.052.851

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

(*) Đây là số tiền phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng vốn số 18/HĐCNV ngày 30/3/2016 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (bên chuyển nhượng) và Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco (bên nhận chuyển nhượng) với các thông tin như sau:

- Người đại diện bên chuyển nhượng: Ông Nguyễn Quốc Thành - Chủ tịch HĐQT - Người đại diện chính phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang, theo Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Số lượng 12.572.200 cổ phần, tương đương tổng mệnh giá 125.722.000.000 đồng, chiếm 62,86% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

- Tổng giá trị chuyển nhượng: 158.409.520.000 đồng.

- Tài khoản nhận tiền chuyển nhượng là tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang.

Công ty đã chuyển trả số tiền là 126 tỷ đồng theo các văn bản yêu cầu của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế, số tiền còn lại sẽ được chuyển trả khi có yêu cầu. Tại thời điểm 30/06/2019, số tiền còn lại này bị hạn chế sử dụng theo Công văn 1398/STC - TCDN ngày 25 tháng 06 năm 2016 của Sở Tài chính Tỉnh Thừa Thiên Huế.

(Xem thêm thông tin tại thuyết minh số 3)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	47.223.517.700	(37.488.944.608)	209.734.573.092
Lãi trong kỳ trước	-	-	(805.735.413)	(805.735.413)
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	47.223.517.700	(38.294.680.021)	208.928.837.679
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	47.223.517.700	(38.646.261.970)	208.577.255.730
Lãi trong kỳ này	-	-	1.034.674.253	1.034.674.253
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	47.223.517.700	(37.611.587.717)	209.611.929.983

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)

	Cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO	18.228.770.000	9,11%	83.481.000.000	41,74%
Crystal Treasure Limited	91.000.000.000	45,50%	83.481.000.000	41,74%
Lê Thị Ngọc Thủy	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000	7,00%
Công ty TNHH Thạch Anh Trắng	19.252.230.000	9,63%	1.519.000.000	0,76%
Công ty TNHH Tấn Trường	40.000.000.000	20,00%	-	0,00%
Các cổ đông khác	17.519.000.000	8,76%	17.519.000.000	8,76%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

(*) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương tại ngày 28/06/2019.

(Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương được ủy quyền quản lý sổ cổ đông cho Công ty Cổ phần Du lịch Hương Giang).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với nội dung chi tiết như sau:

- Hợp đồng thuê đất tại Số 51 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 1996 đến năm 2026. Diện tích khu đất thuê là 13.508 m². Công ty đang Kinh doanh khách sạn (Hương Giang Hotel) và nhà hàng. Theo hợp đồng số 67 HD/TĐ ngày 20/09/1999 Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại Số 11 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2001 đến năm 2031. Diện tích khu đất thuê là 9.222 m². Công ty đang Kinh doanh nhà hàng Festival Huế. Theo hợp đồng số 11 HD-TĐ ngày 01/04/2003 Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại Số 30 Lê Lợi để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2004 đến năm 2044. Diện tích khu đất thuê là 7.702 m². Công ty đang liên doanh cùng với Công ty Sài Gòn Tourist để kinh doanh nhà hàng và khách sạn. Theo hợp đồng số 34/HĐ-TĐ ngày 09/11/2004 Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại Số 101 Hùng Vương (trước đây là Số 41 Hùng Vương) để sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ du lịch từ năm 2000 đến năm 2020. Diện tích khu đất thuê là 1.301 m². Hiện tại Công ty đang hoạt động kinh doanh nhà hàng. Theo hợp đồng số 38/HĐ-TĐ ngày 25/10/2000 Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	26.370,09	4.723,33
- Đồng Euro (EUR)	458,61	464,07

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu cho thuê phòng, dịch vụ nhà hàng	24.792.929.867	20.009.987.220
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.449.587.340	2.721.030.235
	28.242.517.207	22.731.017.455
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	21.050.000	32.850.000

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá vốn cho thuê phòng, dịch vụ nhà hàng	17.615.193.681	13.868.333.749
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.324.377.627	1.757.562.790
	19.939.571.308	15.625.896.539
Trong đó: Giá vốn đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	21.050.000	32.850.000

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	837.783.328	339.250.437
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	423.272	12.160.197
	838.206.600	351.410.634
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	42.780.822	

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	4.569.444.315
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	216.426	235.372
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(5.640.135.709)
	216.426	(1.070.456.022)

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.378.921	40.756.161
Chi phí nhân công	784.996.176	842.593.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.131.334	91.425.910
Chi phí khác bằng tiền	118.350.429	136.713.635
	1.022.856.860	1.111.489.359

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	969.848.634	694.212.836
Chi phí nhân công	4.509.573.577	5.605.748.419
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.575.326	231.172.445
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.373.969.314	1.224.383.445
Chi phí khác bằng tiền	344.579.344	463.768.246
	7.540.546.195	8.223.285.391

27 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	460.909.091	2.051.765
Thu nhập khác	15.042.727	-
	475.951.818	2.051.765

28 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí sửa chữa thay thế phụ tùng	18.810.583	-
	18.810.583	-

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.034.674.253	(805.735.413)
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.034.674.253)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(1.034.674.253)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(805.735.413)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.487.151.706	5.742.379.034
Chi phí nhân công	12.226.970.413	11.247.479.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.268.812.511	1.810.668.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.906.545.102	1.352.557.846
Chi phí khác bằng tiền	4.613.494.631	4.807.585.939
	28.502.974.363	24.960.671.289

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		30/06/2019	01/01/2019
		Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.483.953.091	-	58.550.317.678
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.592.603.783	(717.110.038)	15.141.803.732
Các khoản cho vay	11.860.000.000	-	500.000.000
	75.936.556.874	(717.110.038)	74.192.121.410

		Giá trị sổ kế toán	
		30/06/2019	01/01/2019
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán, phải trả khác		34.337.713.674	34.505.655.929
		34.337.713.674	34.505.655.929

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.483.953.091	-	-	49.483.953.091
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.926.676.065	4.948.817.680	-	13.875.493.745
Các khoản cho vay	11.860.000.000	-	-	11.860.000.000
	<u><u>70.270.629.156</u></u>	<u><u>4.948.817.680</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>75.219.446.836</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.550.317.678	-	-	58.550.317.678
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.475.876.014	4.948.817.680	-	14.424.693.694
Các khoản cho vay	500.000.000	-	-	500.000.000
	<u>68.526.193.692</u>	<u>4.948.817.680</u>	<u>-</u>	<u>73.475.011.372</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 30/06/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	34.337.713.674	-	-	34.337.713.674
	<u>34.337.713.674</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>34.337.713.674</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	34.505.655.929	-	-	34.505.655.929
	<u>34.505.655.929</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>34.505.655.929</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANGSố 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mỗi quan hệ	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
		VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.050.000	32.850.000
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	Cổ đông	8.700.000	10.668.182
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	Công ty con	12.350.000	22.181.818
Mua hàng và dịch vụ		63.845.800	-
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	Công ty con	63.845.800	-
Doanh thu hoạt động tài chính		42.780.822	-
Công ty TNHH MTV Lữ Hành Hương Giang	Công ty con	42.780.822	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mỗi quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu khách hàng		12.350.000	-
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Con ty con	12.350.000	-
Phải thu về cho vay		11.860.000.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Con ty con	1.160.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Thành	Công ty liên kết	10.500.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Kinh Thành	Công ty liên kết	200.000.000	-
Phải thu khác		4.091.379.537	3.916.663.646
Công ty TNHH MTV Lữ hành Hương Giang	Công ty con	2.221.982.199	2.047.266.308
Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	Cổ đông	1.570.500.000	1.570.500.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	Công ty liên kết	298.897.338	298.897.338
Phải trả khác		518.052.851	518.052.851
Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Phúc	Công ty liên kết	518.052.851	518.052.851

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	416.844.492	317.333.335
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	436.714.284	679.425.801

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HƯƠNG GIANG

Số 02, Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.



Ngô Đức Chính
Người lập



Ngô Đức Chính
Kế toán trưởng



Lê Bá Giang
Phó Tổng Giám đốc

Huế, ngày 15 tháng 07 năm 2019

